TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÁNH LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **30**/2017/HNGĐ-ST.
Ngày: 15/8/2017.
V/v: *"ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hạ Hải Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuân.

2. Bà Đinh Thị Nguyệt.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tân - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2017, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2017/QĐXX-ST, ngày 06 tháng 7 năm 2017 và Thông báo mở lại phiên Tòa số 18/2017/TB-TA, ngày 31/7/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1994; Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Anh Q, sinh năm 1994; Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 1, xã N, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: chị N yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Anh Q. Chị N và anh Q tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012, đến năm 2014 đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc trong thời gian đầu,

sau đó xảy ra mâu thuẫn mà nguyên nhân do vợ chồng bất đồng trong kinh tế, bản thân anh Q không có trách nhiệm với gia đình, dẫn đến vợ chồng thường gây gỗ, cải vả, sống không có hạnh phúc nên chị N đã chủ động sống ly thân với anh Q. Hiện nay chị N không còn tình cảm với anh Q, không muốn quay về chung sống đoàn tụ mà yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị N và anh Q có một người con chung tên là Nguyễn Đình S, sinh ngày 06/11/2012. Hiện người con chung đang sống với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi người con chung cho đến khi thành niên và yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - anh Nguyễn Anh Q trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Q và chị N tự nguyện kết hôn chung sống từ năm 2012, đến năm 2014 mới làm thủ tục đăng ký tại UBND xã N. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc; thời gian gần đây, chị N và anh Q có xảy ra bất đồng, mâu thuẫn do chị N nghi ngờ, không tin tưởng đối với anh Q. Sau đó, chị N không chung sống với anh Q nữa mà về nhà cha mẹ ruột sống. Hiện nay anh Q vẫn còn tình cảm yêu thương vợ con nên không đồng ý ly hôn mà có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh Q, chị N có một người con chung tên là Nguyễn Đình S, sinh ngày 06/11/2012. Hiện người con chung đang sống với chị N. Nếu trường hợp phải ly hôn thì anh Q yêu cầu được nuôi con cho đến khi thành niên và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Tuy nhiên, khi đưa vụ án ra xét xử thì anh Q không tham gia, vi phạm quyền và nghĩa vụ của đương sự tại Điều 70 BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 146, 147, 203 BLTTDS; Điều 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ; Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án: Đề nghị xử cho chị N được ly hôn với anh Q. Về con chung: Chị N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho

đến khi thành niên và buộc anh Q phải cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000 đồng/tháng. Về án phí: chị N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp. Chị N đã nộp đủ tiền án phí. Buộc anh Q phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe các đương sự trình bày; nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn – anh Nguyễn Anh Q mặc dù đã được tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Anh Q tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012, đến năm 2014 làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến khoảng năm 2016 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm, thiếu sự quan tâm, chăm sóc, chia sẽ trong cuộc sống nên chị N đã về nhà cha mẹ ruột ở thôn 4, xã Đ sinh sống và làm đơn ly hôn với anh Q. Tại phiên Tòa hôm nay, chị N vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh Q. Riêng anh Q trình bày (tại bút lục số 17 và 24) vẫn còn tình cảm với chị N nên không đồng ý ly hôn và có nguyện vọng được quay về đoàn tụ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Do trong cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, hiện tại chị N và anh Q không còn chung sống với nhau, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau, điều này phù hợp với kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị N, anh Q tại địa phương. Chị N vẫn cương quyết ly hôn vì không còn tình cảm và không muốn kéo dài cuộc sống hôn nhân với anh Q. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để tạo điều kiện cho anh Q có cơ hội hàn gắn, đoàn tụ chung sống nhưng không thành. Điều này chứng tỏ tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng chị N và anh Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy hạnh phúc gia đình phải được xây dựng từ cả hai phía, bản thân chị N hiện nay đã không còn tình cảm gì với anh Q nữa và cương quyết ly hôn; do đó nếu có tiếp tục chung sống sẽ không tạo dựng được hạnh phúc mà mâu thuẫn sẽ lại càng nghiêm trọng hơn. Vì vậy cần giải quyết cho chị N được ly hôn với anh Q là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống, chị N và anh Q có một người con chung tên là Nguyễn Đình S, sinh ngày 06/11/2012. Hiện người con chung đang sống với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi con chung và buộc anh Q phải cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu S thành niên. Riêng anh Q, tại bút lục số 17 và 24 thể hiện anh Q cũng có yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con khi ly hôn của các bên là hoàn toàn chính đáng và phù hợp. Tuy nhiên, việc xem xét giao con cho chị N hay anh Q chăm sóc, nuôi dưỡng phải đảm bảo được điều kiện phát triển tốt nhất về mọi mặt cho cháu S. Xét thấy, cháu S đang do chị N chăm sóc; được học tập và phát triển tốt, độ tuổi này cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Mặt khác, hiện tại chị N đang có nghề nghiệp, thu nhập ổn định và điều kiện chăm sóc con cũng tốt hơn. Do đó, cần giao cháu S cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và buộc anh Q phải cấp dưỡng nuôi con cho chị N số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu S thành niên là hoàn toàn phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh Q đều không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét đến.

[5] Về án phí: Cần buộc chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và anh Q phải chịu án phí DSST (phần cấp dưỡng) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56; Các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 2 Điều 357 BLDS 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với anh Nguyễn Anh Q.

- *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: Chị Nguyễn Thị Kim N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục người con chung tên là Nguyễn Đình S, sinh ngày 06/11/2012 cho đến khi thành niên. Anh Nguyễn Anh Q phải cấp dưỡng nuôi con cho chị N số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu S thành niên và được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, chị N không được ngăn cản.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất như sau:

+ Trường hợp các bên có thỏa thuận thì mức lãi suất không được vượt quá 20%/năm; Trường hợp các bên không có thỏa thuận thì mức lãi suất là 10%/năm; Theo quy định khác của pháp luật (nếu có).

- Về án phí:

+ Chị Nguyễn Thị Kim N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số N. 0011931, ngày 11/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

+ Anh Nguyễn Anh Q phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 15/8/2017. Bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai (đã giải thích quyền kháng cáo).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- CC THADS huyện Tánh Linh;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng, án văn, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Hạ Hải Hồ